

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION**

---o0o---

Số/No.:...../2021-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

---o0o---

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2021  
Ho Chi Minh City,....., 2021

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
RESOLUTION OF THE 2021 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF  
NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
*The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 issued by National Assembly dated June 17<sup>th</sup>, 2020 and other implementing regulations;*
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
*The Law on Securities No. 54/2019/QH14 issued by National Assembly dated November 11<sup>th</sup>, 2019 and other implementing regulations;*
- Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 09/12/2020;  
*Resolution No. 1111 / NQ-UBTVQH14 of the National Assembly Standing Committee dated December 09<sup>th</sup>, 2020;*
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;  
*The Decree No. 155/2020 / ND-CP dated December 31<sup>st</sup>, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities;*
- Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020;  
*The Circular 116/2020 / TT-BTC of Minister of Finance dated on 31/12/2020;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**").  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation (the "Company").*
- Tờ trình của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công Ty số ..../2021-TTr-NVLG ngày ..../.../2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung, điều khoản của Điều lệ Công Ty;  
*The Proposal of the Board of Directors ("BOD") No. ..../2021-TTr-NVLG dated on ....., 2021 Re. Amending, supplementing the Company's Charter;*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công Ty ("**GMS**") ngày 27/04/2021.  
*The Minutes of the 2021 Annual General Meeting of Shareholders ("**AGM**") dated April 27<sup>th</sup>, 2021.*

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

## QUYẾT NGHỊ RESOLVES

**ĐIỀU 1:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung, điều khoản của Điều lệ Công Ty như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of amending, supplementing a number of articles of the Company's Charter, details are as follows:

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
1.	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b> <i>Article. Interpretation of terms</i></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau/<i>In this Charter, the following terms shall have the meanings ascribed to them below:</i></p> <p>b. "<b>Luật Doanh nghiệp</b>" là <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm</u>/<i>"Law on Enterprise" means the Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 adopted by Vietnam's National Assembly on November 26, 2014 and amended and supplemented from time to time</i></p>	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b> <i>Article. Interpretation of terms</i></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau/<i>In this Charter, the following terms shall have the meanings ascribed to them below:</i></p> <p>b. "<b>Luật Doanh nghiệp</b>" là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm</u>/<i>"Law on Enterprise" means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by Vietnam's National Assembly on June 17<sup>th</sup>, 2020 and amended and supplemented from time to time</i></p>	<p>Sửa đổi thuật ngữ theo Luật Doanh nghiệp / <i>Revising terminology under the Law on Enterprise</i></p>
	<p>c. "<b>Luật Chứng khoán</b>" là <u>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm</u>/<i>"The Law on Securities" means the Law on Securities No. 70/2006/QH11 adopted by the Vietnamese National Assembly on June 29<sup>th</sup>, 2006, and amended and supplemented from time to time</i></p>	<p>c. "<b>Luật Chứng khoán</b>" là <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm</u>/<i>"The Law on Securities" means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the Vietnamese National Assembly on November 26<sup>th</sup>, 2019 and amended and supplemented from time to time</i></p>	<p>Sửa đổi thuật ngữ theo Luật Chứng khoán/ <i>Revising terminology under the Law on Securities</i></p>

2

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>d. "<b>Luật Lao động</b>" là <u>Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm/ Labor Law means the Law on Labor No. 10/2012/QH13 adopted by the Vietnamese National Assembly on June 18<sup>th</sup>, 2012 and amended and supplemented from time to time</u></p>	<p>d. "<b>Luật Lao động</b>" là <u>Bộ luật Lao Động số 45/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm/ Labor Law means the Law on Labor No. 45/2019/QH14 adopted by the Vietnamese National Assembly on November 20<sup>th</sup>, 2019 and amended and supplemented from time to time</u></p>	<p>Sửa đổi thuật ngữ theo Bộ luật lao động/ <i>Revising terminology under the Labor Code</i></p>
	<p>h. "<b>Vốn điều lệ</b>" là <u>số vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ/ "Charter capital" means the capital contributed by all shareholders and specified in Article 6 of this Charter;</u></p>	<p>h. "<b>Vốn điều lệ</b>" là <u>tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; "Charter Capital" means the total par value of shares sold or registered for purchase upon the establishment of a joint-stock company and specified in Article 6 of this Charter;</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Điểm a Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC ("<b>Điều Lệ Mẫu</b>")/ <i>Amended according to the provisions of Clause 34, Article 4 of the Law on Enterprises and Point a, Clause 1, Article 1 of the Form Charter issued together with Circular 116/2020 / TT-BTC ("Form Charter")</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>q. <b>"SGDCK"</b> có nghĩa là <u>Sở Giao dịch Chứng khoán là nơi giao dịch chính thức kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác mà tại đó cổ phiếu của Công Ty được niêm yết</u>;/ <b>"Stock Exchange"</b> means the <u>Stock Exchange where stocks, bonds and other securities are officially traded and where the Company's shares are listed</u></p> <p>s. <b>"Người có liên quan"</b> là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán</u>;/ <b>"Related persons"</b> means <u>individuals or organizations defined in Clause 17, Article 4 of the Law on Enterprises and Clause 34 Article 6 of the Law on Securities</u></p> <p>x. <b>"TBKT"</b> là <u>Tiểu ban Kiểm toán (Tiểu ban Kiểm toán nội bộ) trực thuộc HĐQT Công Ty như trong quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp</u>;/ <b>"AC"</b> means the <u>Audit Committee (Internal Audit Committee) under the BOD as stipulated in Point b, Clause 1, Article 134 of the Law on Enterprise</u>;</p>	<p>q. <b>"SGDCK"</b> là <u>Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con</u>;/ <b>"Stock Exchange"</b> means the <u>Stock Exchange of Vietnam and the subsidiaries</u>;</p> <p>s. <b>"Người có liên quan"</b> là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán</u>;/ <b>"Related persons"</b> means <u>individuals or organizations defined in Clause 23, Article 4 of the Law on Enterprises and Clause 46 Article 4 the Law on Securities</u></p> <p>x. <b>"UBKT"</b> là <u>Ủy ban Kiểm toán</u> trực thuộc HĐQT Công Ty như trong quy định tại <u>Điểm b Khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp</u>;/ <b>"AC"</b> means the <u>Audit Committee under the BOD as stipulated in Point b, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprise</u>;</p>	<p>Sửa đổi theo Điểm o Khoản 1 Điều 1 Điều Lệ Mẫu/Amended according to the provisions of Point o, Clause 1, Article 1 of the Form Charter</p> <p>Sửa đổi điều khoản pháp luật viện dẫn theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán/ Amended according to the provisions of the Law on Enterprise and the Law on Securities</p> <p>Sửa đổi thuật ngữ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp/ Revising terminology under the Point b, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprise</p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
2.	<p><b>Điều 2. Tên, biểu tượng, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty</b></p> <p><i>Article 2. Name, logo, head office, legal representative, branch, representative office and term of operation of the Company</i></p> <p>5. Trụ sở đăng ký của Công Ty/ <i>The Company's registered head office is at</i></p> <p>Địa chỉ: 313B-315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, <u>Phường 7</u>, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/<i>313B-315 Nam Ky Khoi Nghia, <u>Ward 7</u>, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam</i></p> <p>Công Ty có thể đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc văn phòng giao dịch theo quy định của pháp luật và công bố tại trang thông tin điện tử (website) chính thức của Công Ty/ <i>The Company may register a business location or a transaction office in accordance with the laws and disclose on the Company's official website</i></p>	<p><b>Điều 2. Tên, biểu tượng, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty</b></p> <p><i>Article 2. Name, logo, head office, legal representative, branch, representative office and term of operation of the Company</i></p> <p>5. Trụ sở đăng ký của Công Ty/ <i>The Company's registered head office is at:</i></p> <p>Địa chỉ: 313B-315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, <u>Phường Võ Thị Sáu</u>, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/<i>313B-315 Nam Ky Khoi Nghia, <u>Vo Thi Sau Ward</u>, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam</i></p> <p>Công Ty có thể đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc văn phòng giao dịch theo quy định của pháp luật và công bố tại trang thông tin điện tử (website) chính thức của Công Ty/ <i>The Company may register a business location or a transaction office in accordance with the laws and disclose on the Company's official website</i></p>	<p>Điều chỉnh lại địa giới hành chính Phường theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 09/12/2020/ <i>Adjustment of ward administrative boundaries in accordance with Clause 1 Article 2 of Resolution No. 1111 / NQ-UBTVQH14 of the National Assembly Standing Committee dated December 09<sup>th</sup>, 2020</i></p>
3.	<p><b>Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p> <p><i>Article 10. Other securities certificates</i></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (<i>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự</i>) được phát hành có dấu và chữ ký <u>mẫu</u> của người đại diện theo pháp luật của Công Ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác./ <i>Bond certificates or other securities certificates of the Company (except for offer letters, temporary certificates and similar documents), shall be issued with the seal of the Company and</i></p>	<p><b>Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p> <p><i>Article 10. Other securities certificates</i></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác./ <i>Bond certificates or other securities certificates of the Company, shall be issued with the seal of the Company and signature of the legal representative, except otherwise provided for in terms and conditions of</i></p>	<p>Sửa đổi theo Điều 8 của Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Point o, Clause 1, Article 1 of the Form Charter</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>signature of the legal representative, except otherwise provided for in terms and conditions of issuance.</i>	<i>issuance</i>	
4.	<p><b>Điều 12. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b> <i>Article 12. Offer for sale and transfer of shares</i></p> <p>4. Tất cả giao dịch có liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần phải dưới dạng văn bản, phải có chữ ký của người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng. Cổ phần được coi là đã chuyển nhượng thành công khi những thông tin về người mua quy định tại <u>Khoản 2 Điều 121</u> của Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Công Ty. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;/All transactions related to share transfer must be in writing and must be signed by the transferor and the transferee. Shares shall be deemed to have been successfully transferred upon full payment and correct and full entry of the particulars on the purchaser stipulated in <u>Clause 2, Article 121</u> of the Law on Enterprises are recorded in the shareholder register; from such point of time, the purchaser of shares shall become a shareholder of the Company. In the event of transfer through the stock market, the process, procedures and ownership recognition shall comply with the laws on securities</p> <p>5. Sau khi cổ phần được bán, Công Ty phải phát hành và trao Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua. Công Ty có thể bán cổ phần mà không trao Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. Trường hợp này, các thông tin về</p>	<p><b>Điều 12. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b> <i>Article 12. Offer for sale and transfer of shares</i></p> <p>4. Tất cả giao dịch có liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần phải dưới dạng văn bản, phải có chữ ký của người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng. Cổ phần được coi là đã chuyển nhượng thành công khi những thông tin về người mua quy định tại <u>Khoản 2 Điều 122</u> của Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Công Ty. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;/All transactions related to share transfer must be in writing and must be signed by the transferor and the transferee. Shares shall be deemed to have been successfully transferred upon full payment and correct and full entry of the particulars on the purchaser stipulated in <u>Clause 2, Article 122</u> of the Law on Enterprises are recorded in the shareholder register; from such point of time, the purchaser of shares shall become a shareholder of the Company. In the event of transfer through the stock market, the process, procedures and ownership recognition shall comply with the laws on securities</p> <p>5. Sau khi cổ phần được bán, Công Ty phải phát hành và trao Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua. Công Ty có thể bán cổ phần mà không trao Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. Trường hợp này, các thông tin về</p>	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 122 of the Law on Enterprise</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	Cổ đông quy định tại <u>Khoản 2 Điều 121</u> của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông và theo Điều 11 của Điều lệ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Công Ty/ <i>After shares are sold, the Company must issue and deliver share certificates to the purchasers. The Company may sell shares without delivering share certificates. In this case, the particulars about a shareholder stipulated in <u>Clause 2, Article 121</u> of the Law on Enterprises recorded in the shareholder register shall be sufficient to certify the ownership of shares of such shareholder in the Company</i>	Cổ đông quy định tại <u>Khoản 2 Điều 122</u> của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông và theo Điều 11 của Điều lệ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Công Ty/ <i>After shares are sold, the Company must issue and deliver share certificates to the purchasers. The Company may sell shares without delivering share certificates. In this case, the particulars about a shareholder stipulated in <u>Clause 2, Article 122</u> of the Law on Enterprises recorded in the shareholder register shall be sufficient to and Article 11 of the Company's Charter to certify the ownership of shares of such shareholder in the Company</i>	
5.	<p><b>Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông</b> <i>Article 14. Redemption of shares upon demand by Shareholders</i></p> <p>1. Cổ đông biểu quyết <u>phản đối</u> quyết định về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này./ <i>A shareholder voting <u>against</u> the restructuring of the Company or against a change to the rights and obligations of shareholders stipulated in this Charter has the right to have the company redeem their shares. Such demand must be made in writing and must be sent to the Company within ten (10) days from the date on which the GMS adopted a resolution on a matters referred to in this Clause</i></p>	<p><b>Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông</b> <i>Article 14. Redemption of shares upon demand by Shareholders</i></p> <p>1. Cổ đông <u>đã</u> biểu quyết <u>không thông qua</u> nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. <u>Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại.</u> Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này./ <i>A shareholder <u>voting to not approve</u> the restructuring of the Company or against a change to the rights and obligations of shareholders stipulated in this Charter has the right to have the company redeem their shares. <u>Such demand must be in writing, clearly stating the name and address of the shareholder, the number of shares of each class, the intended selling price, the reason for requesting the company to buy back.</u> Such</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 132 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 1, Article 132 of the Law on Enterprise</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
		<i>demand must be sent to the Company within ten (10) days from the date on which the GMS adopted a resolution on a matters referred to in this Clause</i>	
	<p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này theo giá thị trường hoặc do Công ty và Cổ đông thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá <u>chuyên nghiệp</u> định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá <u>chuyên nghiệp</u> để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng/<i>The Company must redeem shares upon request by the shareholder as stipulated in Clause 1 of this Article at market or negotiated price within a period of ninety (90) days from the date of receipt of the request. Where there is disagreement relating to the price, such Shareholder may sell shares to other people or the parties may request valuation by a professional valuation organization. The Company shall recommend at least three (03) professional valuation organizations for the shareholder to select from and such selection shall be the final decision.</i></p>	<p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này theo giá thị trường hoặc do Công ty và Cổ đông thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng/<i>The Company must redeem shares upon request by the shareholder as stipulated in Clause 1 of this Article at market or negotiated price within a period of ninety (90) days from the date of receipt of the request. Where there is disagreement relating to the price, such Shareholder may sell shares to other people or the parties may request valuation by a valuation organization. The Company shall recommend at least three (03) valuation organizations for the shareholder to select from and such selection shall be the final decision.</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 132 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 132 of the Law on Enterprise</i>
6.	<p><b>Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></p> <p><u><i>Article 16. Conditions for payment and dealing with redeemed shares</i></u></p> <p><u><i>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ được coi là cổ phiếu quỹ và thuộc số cổ phần được quyền chào bán; All shares redeemed in accordance with Articles 14 and 15 of this Charter shall</i></u></p>	<p><b>Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></p> <p><u><i>Article 16. Conditions for payment and dealing with redeemed shares</i></u></p> <p><u><i>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với</i></u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 134 of the Law on Enterprise</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*



STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>be considered treasury shares and included in number of authorized shares</i>	<i>tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần/ All shares redeemed in accordance with Articles 14 and 15 of this Charter shall be considered unsold shares according to the provisions of Clause 4, Article 112 of the Law on Enterprises. The company must register to reduce th Charter capital in proportion to the total par value of shares repurchased by the Company within ten (10) days from the completion of the share repurchase payment.</i>	
7.	<p><b>Điều 19. Mô hình tổ chức quản lý, hoạt động và nguyên tắc quản trị Công Ty</b></p> <p><i>Article 1. Organization &amp; Operation model and corporate governance principles</i></p> <p>1. Mô hình tổ chức quản lý và hoạt động bao gồm/ <i>Organization and management structure of the Company comprises of:</i></p> <p>a. Đại hội đồng Cổ đông/ <i>The General Meeting of Shareholders;</i></p> <p>b. Hội đồng Quản trị/ <i>The Board of Directors;</i></p> <p>c. <u>TBKT</u> và các Tiểu ban trợ giúp cho hoạt động của HĐQT/ <i>The Audit Committee and other supporting Committees under the BOD;</i></p> <p>d. Tổng Giám đốc/ <i>The Chief Executive Officer.</i></p> <p>Theo đó, Công Ty đảm bảo số lượng Thành viên độc lập HĐQT tối thiểu đáp ứng quy định pháp luật và có <u>TBKT</u> trực thuộc HĐQT. Các Thành viên độc lập HĐQT thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công Ty/<i>Accordingly, the</i></p>	<p><b>Điều 19. Mô hình tổ chức quản lý, hoạt động và nguyên tắc quản trị Công Ty</b></p> <p><i>Article 1. Organization &amp; Operation model and corporate governance principles</i></p> <p>1. Mô hình tổ chức quản lý và hoạt động bao gồm/ <i>Organization and management structure of the Company comprises of:</i></p> <p>a. Đại hội đồng Cổ đông/ <i>The General Meeting of Shareholders;</i></p> <p>b. Hội đồng Quản trị/ <i>The Board of Directors;</i></p> <p>c. <u>UBKT</u> và các Tiểu ban trợ giúp cho hoạt động của HĐQT/ <i>The Audit Committee and other supporting Committees under the BOD;</i></p> <p>d. Tổng Giám đốc/ <i>The Chief Executive Officer</i></p> <p>Theo đó, Công Ty đảm bảo số lượng Thành viên độc lập HĐQT tối thiểu đáp ứng quy định pháp luật và có <u>UBKT</u> trực thuộc HĐQT. Các Thành viên độc lập HĐQT thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công Ty/<i>Accordingly, the</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Point b, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprise</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>Company ensures that the minimum number of Independent Board members meets requirement by the laws and an <u>Audit Committee</u> is established under the BOD. Independent BOD members shall play the roles of supervising the Company's administration.</i>	<i>Company ensures that the minimum number of Independent Board members meets requirement by the laws and an <u>Audit Committee</u> is established under the BOD. Independent BOD members shall play the roles of supervising the Company's administration.</i>	
8.	<p><b>Điều 20. Quyền của Cổ đông</b> <i>Article 20. Rights of shareholders</i></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có các quyền sau/ <i>Shareholder or group of shareholders representing at least ten per cent (10%) of the total number of common shares in a continuous period of six (06) months shall have the following rights</i></p> <p>a. Đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này/ <i>Nominate a candidate to be elected as a member of the to the BOD in accordance with the provisions in clause 3 Article 35 hereof;</i></p> <p><u>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của HĐQT, BCTC giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam/</u> <i>Review and copy the minutes and resolutions of the BOD, semi-annual and annual financial statements in accordance with the form of Vietnam's accounting system</i></p> <p><u>c. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ/</u> <i>Request the BOD to convene the GMS in accordance with the provisions of the Law on Enterprises and the Charter;</i></p> <p><u>d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ/</u> <i>Other</i></p>	<p><b>Điều 20. Quyền của Cổ đông</b> <i>Article 20. Rights of shareholders</i></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau/ <i>Shareholder or group of shareholders representing at least ten per cent (10%) of the total number of common shares shall have the following rights</i></p> <p>a. Đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này/ <i>Nominate a candidate to be elected as a member of the to the BOD in accordance with the provisions in clause 3 Article 35 hereof;</i></p> <p><u>b. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ/</u> <i>Other rights as regulated in this Charter.</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprise</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>rights as regulated in this Charter</i>		
	<u>[Không có quy định]</u>	<p><u>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: Shareholder or group of shareholders representing at least ten per cent (05%) of the total number of common shares shall have the following rights</u></p> <p><u>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp/ Request the Board of Directors to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;</u></p> <p><u>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty/Reviewing, looking up, extracting the number of minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial report,....., contracts, transactions must be approved by the Board of Directors and other documents. , except for documents related to trade secrets, business secrets of the Company</u></p> <p><u>c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này/ The Other rights as regulated in this Charter.and law</u></p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp/ Amended according to the provisions of Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprise.
9.	<b>Điều 21. Nghĩa vụ của Cổ đông</b>	<b>Điều 21. Nghĩa vụ của Cổ đông</b>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p><b>Article 21. Obligations of shareholders</b></p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau/ <i>The shareholders have the following duties:</i></p> <p><b>6.</b> Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ/ <i>Perform other obligations as regulated by the Law on Enterprises and the Company's Charter</i></p>	<p><b>Article 21. Obligations of shareholders</b></p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau/ <i>The shareholders have the following duties:</i></p> <p><b>6.</b> <u>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác./</u> <i>To keep confidential the information provided by the Company in accordance with the company's charter and law; only use the information provided to exercise and protect its legitimate rights and interests; It is strictly forbidden to distribute or copy or send information provided by the Company to other organizations or individuals.</i></p> <p><b>7.</b> Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ/ <i>Perform other obligations as regulated by the Law on Enterprises and the Company's Charter.</i></p>	<p>119 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 5, Article 119 of the Law on Enterprise</i></p>
10.	<p><b>Điều 22. Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p><b>Article 22. General Meeting of Shareholders</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính/ <i>The GMS is the highest decision-making body in the Company. The Annual General Meeting of Shareholders (AGM) is held once (01 time) a</i></p>	<p><b>Điều 22. Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p><b>Article 22. General Meeting of Shareholders</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính/ <i>The GMS is the highest decision-making body in the Company. The Annual General Meeting of</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 14 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 139 of the Law on Enterprise and Clause 1 Article 14 of</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>year. The AGM must be held within four (04) months from the end of the fiscal year. At the request of the BOD, the authorized business registration body can extend the AGM, but not exceeding six (06) months from the end of the fiscal year.</i>	<i>Shareholders (AGM) is held once (01 time) a year. The AGM must be held within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors decides to extend the AGM in case of necessity. At the request of the BOD, the authorized business registration body can extend the AGM, but not exceeding six (06) months from the end of the fiscal year.</i>	<i>the Form Charter</i>
11.	<p><b>Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</b> <i>Article 23. Rights and Responsibilities of the GMS</i></p> <p>2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau/ <i>The AGM has the right to discuss and adopt</i></p> <p>g. <u>Tổng số tiền thù lao của các Thành viên HĐQT</u> và báo cáo tiền thù lao của HĐQT/ <u>Total remuneration of BOD members and reports on remuneration of the BOD</u></p> <p>o. Việc TGD đồng thời làm Chủ tịch HĐQT/ <i>The CEO acting as the Chairman of the BOD</i></p>	<p><b>Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</b> <i>Article 23. Rights and Responsibilities of the GMS</i></p> <p>2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau/ <i>The AGM has the right to discuss and adopt:</i></p> <p>g. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị/</u> <i>Deciding the budget or total remuneration, bonus and other benefits for the BOD</i></p> <p>[Bỏ quy định này]/<i>Delete this Point</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điểm K Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Point K, Clause 2, Article 138 of the Law on Enterprise</i></p> <p>Bỏ quy định về việc TGD đồng thời làm Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP/ <i>Deleting the provisions that the CEO acting as the Chairman of the BOD under the Clause 2, Article 275 Decree 155/2020-NĐ-CP</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
12.	<p><b>Điều 24. Các đại diện theo ủy quyền</b> <i>Article 24. Authorized representatives</i></p> <p>2. Việc ủy quyền cho <u>người</u> đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây/ <i>If participation is by proxy, letters of proxy shall be in writing in the form as prescribed by the company with adequate signatures:</i></p>	<p><b>Điều 24. Các đại diện theo ủy quyền</b> <i>Article 24. Authorized representatives</i></p> <p>2. Việc ủy quyền cho <u> cá nhân, tổ chức</u> đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công Ty phù hợp quy định của pháp luật</u> và phải có chữ ký theo quy định sau đây/ <i>If participation is by proxy for the individual or the organization, letters of proxy shall be in writing. The letters of proxy is made in accordance with the civil law and must clearly state the name of the authorized individual, the authorized organization and the number of authorized shares, or the proxy letter shall be made in the form as prescribed by the company with adequate signatures:</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 144 of the Law on Enterprise</i></p>
	<p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây/<i>Unless otherwise specified in Clause 3 of this Article, the vote of the authorized person to attend a meeting in the scope of authorization remains in effect when there is one of the following cases:</i></p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự/ <i>The authorizer is dead or his/her capability of civil acts is either lost or restricted;</i></p> <p>b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền/</p>	<p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây/ <i>Unless otherwise specified in Clause 3 of this Article, the vote of the authorized person to attend a meeting in the scope of authorization remains in effect when there is one of the following cases:</i></p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự/ <i>The authorizer is dead or his/her capability of civil acts is either lost or restricted;</i></p> <p>b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền/</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều Lệ Mẫu/<i>Amended according to the provisions Clause 3, Article 16 of the Form Charter</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p><i>The authorizer has canceled such authorization;</i></p> <p>c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền/ <i>The authorizer has canceled the competence of the authorized person;</i></p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo hợp pháp về một trong các sự kiện trên <u>bốn mươi tám (48) giờ</u> trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại/ <i>This clause may not be applied in case the Company receives a valid notice about one of the above events at least forty eight (48) hours before the opening time of the GMS or before the meeting is reconvened.</i></p>	<p><i>The authorizer has canceled such authorization;</i></p> <p>c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền/ <i>The authorizer has canceled the competence of the authorized person;</i></p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo hợp pháp về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại/ <i>This clause may not be applied in case the Company receives a valid notice about one of the above events before the opening time of the GMS or before the meeting is reconvened.</i></p>	
13.	<p><b>Điều 25. Thay đổi các quyền</b> <i>Article 25. Change of rights</i></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) <u>cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua; đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua;</u> <i>The change or cancellation of the special rights attached to a class of preferred shares becomes effective when the shareholders holding at least sixty per cent (65%) of the common shares attending the meeting have adopted simultaneously voted by the shareholders holding at least sixty per cent (65%) of the voting rights of the said preferred shares</i></p>	<p><b>Điều 25. Thay đổi các quyền</b> <i>Article 25. Change of rights</i></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) <u>tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</u> <i>The change or cancellation of the special rights attached to a class of preferred shares becomes effective when the shareholders holding at least sixty per cent (65%) of the voting shares attending the meeting. The Resolution of</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 17 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Clause 6, Article 148 of the Law on Enterprise and the Clause 1 Article 17 of the Form Charter</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
		<i>the GMS on the content that changes the rights and obligations of shareholders holding preference shares shall only be approved if the number of preferred shareholders of the same type attending the meeting owns <b>seventy-five shares percent (75%)</b> of the total number of preferred shares of that type or more approved or approved by the preferred shareholders of the same type holding <b>seventy five percent (75%)</b> of the total number of such preferred shares or more in case of adoption of a resolution in the form of written opinions.</i>	
14.	<p><b>Điều 26. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Article 26. Convene the GMS, meeting agenda and notice</i></p> <p>2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây/ <i>The person who convenes the GMS must carry out the following duties;</i></p> <p>a. Lập danh sách các Cổ đông có quyền dự họp tại đại hội <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ/ <i>Make a list of shareholders entitled to attend the GMS no earlier than five (05) days before the date of sending invitation letter;</i></p>	<p><b>Điều 26. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Article 26. Convene the GMS, meeting agenda and notice</i></p> <p>2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây/ <i>The person who convenes the GMS must carry out the following duties</i></p> <p>a. Lập danh sách các Cổ đông có quyền dự họp tại đại hội <u>không quá mười (10) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ/ <i>Make a list of shareholders entitled to attend the GMS no earlier than ten (10) days before the date of sending invitation letter;</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 1, Article 141 of the Law on Enterprise</i>
	<p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của SGĐCK (trong trường hợp Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (Website) của Công Ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí tính theo dấu bưu điện nơi gửi).</p>	<p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông <u>bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u> đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của SGĐCK (trong trường hợp Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (Website) của Công Ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <u>hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được</p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 18 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*



STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên Website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các Cổ đông có thể tiếp cận/<i>The notice of the GMS meeting shall be sent to all shareholders at the same time published in the media of the Stock Exchange (for companies listed or registered transactions), on the Company's website. The Notice of the GMS shall be sent at least <u>ten (10) days</u> before the GMS, (from the date on which the notice is sent or transferred legally with postage or postmark date). The agenda of the GMS, the documents relating to the issues to be voted at the meeting shall be sent to the shareholders and/or posted on the Company's website. In cases where the documents are not sent attached to the notice of the GMS, the meeting notice must state the website address so that the shareholders can access;</i></p>	<p>gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí tính theo dấu bưu điện nơi gửi). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên Website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các Cổ đông có thể tiếp cận;/ <i>The notice of the GMS meeting shall be sent to all shareholders <u>by the ensure way to contact address of shareholders</u> at the same time published in the media of the Stock Exchange (for companies listed or registered transactions), on the Company's website. The Notice of the GMS shall be sent at least <u>twenty-one (21) days</u> before the opening date GMS' meeting, (from the date on which the notice is sent or transferred legally with postage or postmark date). The agenda of the GMS, the documents relating to the issues to be voted at the meeting shall be sent to the shareholders and/or posted on the Company's website. In cases where the documents are not sent attached to the notice of the GMS, the meeting notice must state the website address so that the shareholders can access;</i></p>	<p><i>Clause 1, Clause 2, Clause 3, Article 143 of the Law on Enterprise and the Clause 3 Article 18 of the Form Charter</i></p>
	<p>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau/ <i>The convener of GMS may rejects the recommendations related to Clause 4 of this Article in the following cases</i></p>	<p>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này <u>và trả lời cổ đông bằng văn bản chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một</u> trong các trường hợp sau/ <i>The convener of GMS shall reject the recommendations related to Clause 4 of this Article and <u>answer the shareholders in writing at least two (02) days before the opening time of the GMS.</u> The convener of GMS shall reject the recommendations</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 18 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Point a, Clause 3, Article 142 of the Law</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>a. <u>Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn, không đủ, không đúng nội dung hoặc không phù hợp với quy định tại Điều lệ và pháp luật/ Proposals not sent in a timely, full or relevant manner or not in accordance with the provisions of the Charter and laws</u></p> <p>b. Vào thời điểm <u>đề xuất</u>, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất từ mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ/ <u>At the time of the proposal, a shareholder or group of shareholders do not have at least ten per cent (10%) of the common shares in the period of six (06) continuous months as prescribed in Clause 3, Article 20 of this Charter</u></p>	<p><i>in the following case:</i></p> <p>a. <u>Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này/ Proposals sent not as prescribed in Clause 4 of this Article;</u></p> <p>b. Vào thời điểm <u>kiến nghị</u>, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không <u>nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên</u> theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ/ <u>At the time of the recommendations, a shareholder or group of shareholders do not have at least five(05%) per cent as prescribed in Clause 3, Article 20 of this Charter</u></p>	<p><i>on Enterprise and the Point a, Point b Clause 5 Article 18 of the Form Charter</i></p>
15.	<p><b>Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b> <i>Article 27. Conditions for conducting the GMS</i></p> <p>1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện <u>cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>The GMS shall be conducted where the number of attending shareholders represents at least 51% of the voting shares</i></p>	<p><b>Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b> <i>Article 27. Conditions for conducting the GMS</i></p> <p>1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện <u>trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết/ The GMS shall be conducted where the number of attending shareholders represents over fifty percent (51%) of the votes;</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 19 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Clause 1, Article 145 of the Law on Enterprise and the Clause 1 Article 19 of the Form Charter</i></p>
16.	<p><b>Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b> <i>Article 28. Procedures for conducting and voting at</i></p>	<p><b>Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b> <i>Article 28. Procedures for conducting and voting at</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh</p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p><i>the GMS</i></p> <p>3. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa <u>cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập</u>. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số (hơn 1/2) số lượng Thành viên HĐQT thông qua. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, thành viên Ban Tổng Giám đốc ưu tiên theo thứ tự vị trí cao nhất <u>điều khiển</u> để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp/ <i>The Chairman of the BOD shall be the Chairman of the GMS convened by the BOD. If the BOD Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining members shall elect one of them to preside over the meeting under the majority rule (voted by more than one-half of BOD members). Where none of such persons is able to preside over the GMS, the member of the BOM, with the priority being given to the person <u>holding</u> the highest position and present at the GMS shall facilitate the election of the GMS Chair</i></p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ <u>điều khiển</u> ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp/ <i>In other cases, the person who signs to convene a GMS shall <u>facilitate</u> the election of the GMS Chair and the person with the highest votes shall be appointed as Chair of the meeting</i></p>	<p><i>the GMS</i></p> <p>3. Chủ tịch HĐQT <u>làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập</u>. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số (hơn 1/2) số lượng Thành viên HĐQT thông qua. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, thành viên Ban Tổng Giám đốc ưu tiên theo thứ tự vị trí cao nhất <u>điều hành</u> để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp/ <i>The Chairman of the BOD of the person authorized by the Chairman of the BOD shall be the Chairman of the GMS convened by the BOD. If the BOD Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining members shall elect one of them to preside over the meeting under the majority rule (voted by more than one-half of BOD members). Where none of such persons is able to preside over the GMS, the member of the BOM, with the priority being given to the person <u>holding</u> the highest position and present at the GMS shall facilitate the election of the GMS Chair;</i></p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ <u>điều hành</u> ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp/ <i>In other cases, the person who signs to convene a GMS shall <u>holding</u> the election of the GMS Chair and the person with the highest votes shall be appointed as Chair of the meeting;</i></p>	<p>nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Point a, b, Clause 2, Article 146 of the Law on Enterprise</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
17.	<p><b>Điều 29. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ</b> <i>Article 29. Approval of the Resolution of the GMS</i></p> <p>3. Các Nghị quyết về các vấn đề khác của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số Cổ đông <u>đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều này/<i>The Resolutions on other issues of the GMS are passed when approved by a number of shareholders representing at least fifty one percent (51%) of the total votes of all shareholders attending the meeting, except for cases specified in Clause 2 and Clause 4 of this Article.</i></p>	<p><b>Điều 29. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ</b> <i>Article 29. Approval of the Resolution of the GMS</i></p> <p>3. Các Nghị quyết về các vấn đề khác của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số Cổ đông <u>sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều này/<i>The Resolutions on other issues of the GMS are passed when approved by a number of shareholders owning over fifty percent (50%) of the total votes of all shareholders attending the meeting, except for cases specified in Clause 2 and Clause 4 of this Article.</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 21 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 148 of the Law on Enterprise and the Clause 2 Article 21 of the Form Charter</i>
18.	<p><b>Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b> <i>Article 30. Authority and formalities for written ballot with shareholders to pass GMS Resolutions</i></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây/<i>The written opinion form must contain the following principal particulars:</i></p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT <u>và Người đại diện theo pháp luật của Công Ty</u>/<i>Full name and signature of the BOD Chairman and the Company's legal representative</i></p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu/<i>Record of vote counting must be published on the Company's website within twenty four (24) hours from the date of completion of vote counting</i></p>	<p><b>Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b> <i>Article 30. Authority and formalities for written ballot with shareholders to pass GMS Resolutions</i></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây/<i>The written opinion form must contain the following principal particulars:</i></p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, <u>người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu</u>;<i>Full name and signature of the BOD Chairman, Counting supervisor and the Vote Counter</i></p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu <u>và nghị quyết</u> phải được công bố trên Website của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu/<i>Record of vote counting and the Resolution must be published on the Company's website within twenty four (24) hours from the date of completion of vote counting</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Point e Clause 5, Article 149 of the Law on Enterprise</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
			<i>to the provisions of Clause 6, Article 149 of the Law on Enterprise and the Clause 6 Article 22 of the Form Charter</i>
19.	<p><b>Điều 32. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận</b></p> <p><i>Article 32. Contracts and transactions subject to approval by the GMS or BOD members</i></p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận/ <i>Contracts and transactions between the company and the following entities are subject to approval by the GMS or the BOD:</i></p> <p style="padding-left: 40px;">c. Doanh nghiệp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 159</u> của Luật Doanh nghiệp./ <i>The enterprises mentioned in Clause 2 Article 159 of the Law on Enterprises</i></p>	<p><b>Điều 32. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận</b></p> <p><i>Article 32. Contracts and transactions subject to approval by the GMS or BOD members</i></p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận/ <i>Contracts and transactions between the company and the following entities are subject to approval by the GMS or the BOD:</i></p> <p style="padding-left: 40px;">c. Doanh nghiệp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 164</u> của Luật Doanh nghiệp./ <i>The enterprises mentioned in Clause 2 Article 164 of the Law on Enterprises</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 164 of the Law on Enterprise</i>
20.	<p><b>Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Article 33. Appeal GMS decisions</i></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây/ <i>Within ninety (90) days from the day on which the GMS minutes or the vote counting record is received, the shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 3 Article</i></p>	<p><b>Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Article 33. Appeal GMS decisions</i></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>ngghi quyết hoặc</u> biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây/ <i>Within ninety (90) days from the day on which the <u>Resolution</u> or the GMS minutes or the vote counting record is received, the shareholder or group of</i></p>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Article 151 of the Law on Enterprise and the Article 24 of the Form Charter</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>20 of the Law on Enterprises may request a court or arbitration tribunal to consider annulling the Resolution of the GMS in the following cases:</i>	<i>shareholders mentioned in Clause 3 Article 20 of the Law on Enterprises may request a court or arbitration tribunal to consider annulling the Resolution of the GMS in the following cases:</i>	
21.	<p><b>Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT</b></p> <p><i>Article 35. Composition and Term of Office of Members of the BOD</i></p> <p>6. <u>Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm.</u> Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu một Thành viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do đặc biệt, thì HĐQT có thể báo cáo vấn đề đó tại kỳ họp ĐHĐCĐ kế tiếp để thông báo và thay thế/<u>The term of the BOD is five (05) years. The term of the BOD members shall not exceed five (05) years; the BOD members may be re-elected for an unlimited number of terms. If a Member of the Board fails to perform his/her duties for a special reason, the BOD may report the issue at the next GMS for information and replacement.</u></p>	<p><b>Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT</b></p> <p><i>Article 35. Composition and Term of Office of Members of the BOD</i></p> <p>6. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u> Nếu một Thành viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do đặc biệt, thì HĐQT có thể báo cáo vấn đề đó tại kỳ họp ĐHĐCĐ kế tiếp để thông báo và thay thế/<u>The term of the BOD is five (05) years. The term of the BOD members shall not exceed five (05) years; the BOD members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual can only be elected as an independent member of the Board of Directors for no more than 2 consecutive terms. In case all members of the Board of Directors terminate at the same term, such members will continue to be members of the Board of Directors until a new member is elected to replace and take over the work/. If a Member of the Board fails to perform his/her duties for a special reason, the BOD may report the issue at the next GMS for information and</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 2, Article 154 of the Law on Enterprise</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
		<i>replacement.</i>	
22.	<p><u>7. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách Thành viên HĐQT trong các trường hợp sau/ The BOD members shall no longer have the capacity as members in the following cases:</u></p> <p>a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên HĐQT/ <i>That member no longer qualifies to be a member of the BOD according to the Law on Enterprises or prohibited by law from being a member of the BOD;</i></p> <p>b. <u>Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty/ That member submits the letter of resignation to the head office of the Company</u></p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi/ <i>That member suffers from mental disorders and other BOD members have medical expert proof of such loss of capacity for civil acts</i></p> <p>d. <u>Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục và HĐQT xác định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống/ Failure to attend the BOD meetings for six (06) consecutive months and the BOD determines that this person's position is vacant</u></p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHCĐ theo nguyên tắc quy định tại Khoản 6 Điều này/</p>	<p><u>7. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây/ The GMS dismissed the BOD's member in the following cases:</u></p> <p>a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên HĐQT/ <i>That member no longer qualifies to be a member of the BOD according to the Law on Enterprises or prohibited by law from being a member of the BOD;</i></p> <p><u>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận/ Submitting the resignation letter and approved</u></p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi/ <i>That member suffers from mental disorders and other BOD members have medical expert proof of such loss of capacity for civil acts</i></p> <p><u>8. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây/ The GMS dismissed the BOD's member in the following cases:</u></p> <p><u>a. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng/ Failure to attend the BOD meetings for six (06) consecutive months, accept in case of force majeure</u></p> <p>b. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Clause 1, Clause 2, Article 160 of the Law on Enterprise</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>That member is dismissed under the decision of the GMS on the principle prescribed in Clause 6 of this Article;</i>	ĐHĐCĐ theo nguyên tắc quy định tại Khoản 6 Điều này/ <i>That member is dismissed under the decision of the GMS on the principle prescribed in Clause 6 of this Article;</i>	
23.	<p><b>Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b> <i>Article 36. Powers and Duties of the BOD</i></p> <p>2. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công Ty, Quy chế Quản trị Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây/<i>The powers and duties of the BOD are stipulated by the laws, the Company's Charter, the Corporate Governance Regulations and the resolutions of the GMS. Specific rights and responsibilities of the BOD include:</i></p> <p>e. Quyết định bán cổ phần <u>mới</u> trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác/ <i>Make decisions on offering <u>new</u> shares within the number of shares of each class which may be offered for sale; to make decisions on raising additional funds in other forms;</i></p> <p>g. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u>Khoản 1 Điều 130</u> của Luật Doanh nghiệp/ <i>Make decisions on redemption of shares in accordance with the provisions in <u>Clause 1, Article 130</u> of the Law on Enterprises;</i></p>	<p><b>Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b> <i>Article 36. Powers and Duties of the BOD</i></p> <p>2. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công Ty, Quy chế Quản trị Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây/ <i>The powers and duties of the BOD are stipulated by the laws, the Company's Charter, the Corporate Governance Regulations and the resolutions of the GMS. Specific rights and responsibilities of the BOD include:</i></p> <p>e. Quyết định bán cổ phần <u>chưa bán</u> trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác/ <i>Make decisions on offering <u>not sold yet</u> shares within the number of shares of each class which may be offered for sale; to make decisions on raising additional funds in other forms;</i></p> <p>g. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133</u> của Luật Doanh nghiệp/ <i>Make decisions on redemption of shares in accordance with the provisions in <u>Clause 1 and Clause 2, Article 133</u> of the Law on Enterprises;;</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp <i>Amended according to the provisions of Point c, Clause 2, Article 153 of the Law on Enterprise</i></p> <p>Sửa đổi theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Point đ, Clause 2, Article 153 of the Law on Enterprise</i></p>



STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	r. Trình báo cáo <u>quyết toán</u> tài chính hàng năm lên ĐHQĐ/ <i>Submit annual financial statements to the GMS;</i>	r. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên ĐHQĐ/ <i>Submit annual financial statements to the GMS;</i>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amended according to the provisions of Point n, Clause 2, Article 153 of the Law on Enterprise</i>
24.	<b>Điều 37. Chủ tịch HĐQT</b> <i>Article 37. Chairman of the BOD</i>  3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các Thành viên còn lại bầu một người trong số các Thành viên <u>tạm thời</u> giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số (hơn 1/2)/ <i>Where the BOD Chairman is absent or cannot carry out his/her duties, another member shall be authorized in writing by the Chairman to exercise the rights and fulfill the obligations of the Chairman. In case no one is authorized, other members shall elect one of them as the temporary Chairman of the BOD under the majority rule (more than half);</i>	<b>Điều 37. Chủ tịch HĐQT</b> <i>Article 37. Chairman of the BOD</i>  3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các Thành viên còn lại bầu một người trong số các Thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số (hơn 1/2) <u>thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT/</u> <i>Where the BOD Chairman is absent or cannot carry out his/her duties, another member shall be authorized in writing by the Chairman to exercise the rights and fulfill the obligations of the Chairman. In case no one is authorized, other members shall elect one of them as the temporary Chairman of the BOD under the majority rule (more than half) of the remain approving untill the BOD approving the new resolution;</i>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 29 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amended according to the provisions of Clause 4, Article 156 of the Law on Enterprise and the Clause 5 Article 29 of the Form Charter</i>
25.	<b>Điều 39. Các Tiểu ban của HĐQT</b> <i>Article 39. Committees of the BOD</i>  1. HĐQT có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ	<b>Điều 39. Các Tiểu ban của HĐQT</b> <i>Article 39. Committees of the BOD</i>  1. HĐQT có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều Lệ Mẫu/ <i>Supplementing</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong các phạm vi hoạt động cụ thể khi thực thi quyền và trách nhiệm của HĐQT/ <i>The BOD may establish Committees to take charge of development policies, human resources, remuneration and internal audit, to provide support for activities of the BOD in specific areas of operation when exercising the powers and performing the duties of the BOD;</i>	trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, <u>quản lý rủi ro</u> , hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong các phạm vi hoạt động cụ thể khi thực thi quyền và trách nhiệm của HĐQT/ <i>The BOD may establish Committees to take charge of development policies, human resources, remuneration, internal audit and <u>risk management</u>, to provide support for activities of the BOD in specific areas of operation when exercising the powers and performing the duties of the BOD;</i>	<i>according to the provisions of Clause 1, Article 31 of the Form Charter</i>
	3. Số lượng Thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm Thành viên của HĐQT và Thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập HĐQT giữ chức <u>Trưởng TBKT</u> , Tiểu ban nhân sự và lương thưởng/ <i>The number of members of the Committees is decided by the BOD, but there must be at least three (03) people including BOD members and external members. Independent BOD members shall hold the positions of <u>Head of Audit Committee</u> and <u>Head of Human Resources and Remuneration Committee</u>;</i>	3. Số lượng Thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm Thành viên của HĐQT và Thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập HĐQT giữ chức <u>Chủ tịch UBKT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên HĐQT không điều hành giữ chức Trưởng</u> Tiểu ban nhân sự, <u>Tiểu ban</u> lương thưởng và <u>Tiểu ban Quản lý rủi ro</u> / <i>The number of members of the Committees is decided by the BOD, but there must be at least three (03) people including BOD members and external members. Independent BOD members shall hold the positions of <u>Chairman of Audit Committee, the Independent BOD members of the non-executive BOD member shall hold the Head of Human Resources, Remuneration and Risk management Committee</u>;</i>	Sửa đổi khái niệm TBKT thành UBKT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều Lệ Mẫu/ <i>Revising terminology under the Law on Enterprise and amended according to the provisions of Clause 1, Article 31 of the Form Charter</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
26.	<p><b>Điều 40. <u>Tiểu ban Kiểm toán</u></b> <b><u>Article 40. Audit Committee</u></b></p> <p>1. <u>TBKT</u> trực thuộc HĐQT. <u>TBKT</u> bao gồm tối thiểu ba (03) Thành viên được HĐQT bổ nhiệm. Tiêu chuẩn đối với Trưởng <u>TBKT</u> và các Thành viên trong <u>TBKT</u> được quy định trong Quy chế Quản trị Công Ty của Công Ty/<i>The Audit Committee is directly under the BOD. The Audit Committee shall include at least three (03) members appointed by the BOD. Standards applicable to the Head and members of the Audit Committee are stipulated in the Company's Corporate Governance Regulations;</i></p> <p>2. <u>TBKT</u> thực hiện quyền và trách nhiệm của mình nhằm trợ giúp HĐQT trong việc/ <i>The Audit Committee shall exercise its powers and perform its duties to assist the BOD in</i></p> <p>a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ HĐQT. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc điều tra, <u>TBKT</u> phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của <u>TBKT</u> quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty/<i>If there is a request from individual shareholders or a group of shareholders provided for in Clause 3, Article 20 of this Charter, the Audit Committee shall perform the inspection</i></p>	<p><b>Điều 40. <u>Ủy ban Kiểm toán</u></b> <b><u>Article 40. Audit Committee</u></b></p> <p>1. <u>UBKT</u> trực thuộc HĐQT. <u>UBKT</u> bao gồm tối thiểu ba (03) Thành viên được HĐQT bổ nhiệm. Tiêu chuẩn đối với Trưởng <u>UBKT</u> và các Thành viên trong <u>UBKT</u> được quy định trong Quy chế Quản trị Công Ty của Công Ty/<i>The Audit Committee is directly under the BOD. The Audit Committee shall include at least three (03) members appointed by the BOD. Standards applicable to the Head and members of the Audit Committee are stipulated in the Company's Corporate Governance Regulations;</i></p> <p>2. <u>UBKT</u> thực hiện quyền và trách nhiệm của mình nhằm trợ giúp HĐQT trong việc/ <i>The Audit Committee shall exercise its powers and perform its duties to assist the BOD in:</i></p> <p>a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ HĐQT. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc điều tra, <u>UBKT</u> phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của <u>UBKT</u> quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty/<i>If there is a request from individual shareholders or a group of shareholders provided for in Clause 3, Article 20 of this Charter, the Audit Committee shall perform the inspection</i></p>	<p>Sửa đổi khái niệm TBKT thành UBKT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và sửa đổi viện dẫn căn cứ pháp luật được nêu tại Điểm c Khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty (từ Điều 160 thành Điều 165 Luật Doanh nghiệp)/ <i>Revising terminology under the Law on Enterprise and amended according to the provisions of Point c, Clause 2, Article 40 of the Compnay's Charter (Replace the Article 160 by the Article 165)</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p><i>within seven (07) working days from the date of receipt thereof. Within a period of fifteen (15) working days from the date of completion of the inspection, the Audit Committee must submit a report on the inspected issues to the BOD and the requesting shareholder or the group of shareholders. The Audit Committee's inspections stipulated in this clause must not disrupt the normal activities of the BOD and shall not interrupt the business administration of the Company;</i></p> <p>c. Khi phát hiện Thành viên HĐQT, Ban TGD và những Người điều hành khác của Công Ty vi phạm nghĩa vụ quản trị và quản lý Công Ty theo quy định tại <u>Điều 160</u> của Luật Doanh nghiệp, Điều 45 và Điều 46 của Điều lệ thì phải yêu cầu bằng văn bản người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm/<i>Upon detecting violation of administration and management duties by Members of the BOD, BOM and other Executives of the Company as stipulated in Article 160 of the Law on Enterprises, Article 45 and Article 46 of this Charter, there must be written documents requesting offenders to immediately stop the offending acts;</i></p>	<p><i>within seven (07) working days from the date of receipt thereof. Within a period of fifteen (15) working days from the date of completion of the inspection, the Audit Committee must submit a report on the inspected issues to the BOD and the requesting shareholder or the group of shareholders. The Audit Committee's inspections stipulated in this clause must not disrupt the normal activities of the BOD and shall not interrupt the business administration of the Company;</i></p> <p>c. Khi phát hiện Thành viên HĐQT, Ban TGD và những Người điều hành khác của Công Ty vi phạm nghĩa vụ quản trị và quản lý Công Ty theo quy định tại <u>Điều 165</u> của Luật Doanh nghiệp, Điều 45 và Điều 46 của Điều lệ thì phải yêu cầu bằng văn bản người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm/<i>Upon detecting violation of administration and management duties by Members of the BOD, BOM and other Executives of the Company as stipulated in Article 165 of the Law on Enterprises, Article 45 and Article 46 of this Charter, there must be written documents requesting offenders to immediately stop the offending acts;</i></p>	
	<p>3. HĐQT quy định quyền và trách nhiệm bao gồm trách nhiệm báo cáo của <u>TBKT</u> trong Quy chế Quản trị Công Ty của Công Ty/<i>The BOD shall stipulate the powers and duties including reporting duties of the Audit Committee in the Company's Corporate Governance Regula;</i></p> <p>4. TGD và những người điều hành khác của Công Ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của <u>TBKT</u>/<i>The CEO and other executives of the Company must</i></p>	<p>3. HĐQT quy định quyền và trách nhiệm bao gồm trách nhiệm báo cáo của <u>UBKT</u> trong Quy chế Quản trị Công Ty của Công Ty/<i>The BOD shall stipulate the powers and duties including reporting duties of the Audit Committee in the Company's Corporate Governance Regula;</i></p> <p>4. TGD và những người điều hành khác của Công Ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của <u>UBKT</u>/<i>The CEO and other executives of the Company must</i></p>	<p>Sửa đổi khái niệm TBKT thành UBKT theo quy định của Luật Doanh nghiệp/<i>Revising terminology under the 2020 Law on Enterprise</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>provide all information and documents related to the Company's operations at the request of the Audit Committee.</i>	<i>provide all information and documents related to the Company's operations at the request of the Audit Committee.</i>	
27.	[Không có quy định]	<p><b><u>Điều 41. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</u></b>  <b><u>Article 41. Ingredient of the Audit Committee</u></b></p> <p><u>1. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty/ A member of the Audit Committee must have knowledge of accounting and auditing, have a knowledge of the law and operations of the Company.</u></p> <p><u>2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh/ The Chairman of the Audit Committee must have a university or higher degree in one of the majors in economics, finance, accounting, auditing, law, and business administration</u></p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 43 Điều Lệ Mẫu/ <i>Supplementing according to the provisions of Clause 2, Clause 3, Article 43 of the Form Charter</i>
28	[Không có quy định]	<p><b><u>Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</u></b>  <b><u>Article 42. Nominee, Self-nominee the Audit Committee's member</u></b></p> <p><u>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty/ The Chairman of the Audit Committee and other members of the Audit Committee are nominated by the Board of Directors and not the operator of the Company</u></p> <p><u>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị/</u></p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 42 Điều Lệ Mẫu/ <i>Supplementing according to the provisions of Article 42 of the Form Charter</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
		<u>The appointment of the Chairman of the Audit Committee and other members of the Audit Committee must be approved by the Board of Directors at the meeting of the Board of Directors</u>	
29.	[Không có quy định]	<p><b><u>Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</u></b></p> <p><b><u>Article 43. Rights and obligation of the Audit Committee</u></b></p> <p><u>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau/ Auditing Committee has the rights and obligations prescribed in Article 161 of the Law on Enterprises and the following rights and obligations:</u></p> <p><u>1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán/Having the right to access documents related to the operation of the Company, exchange with other members of the Board of Directors, Director (General Director), Chief Accountant and other managers to collect information for the operation of the Audit Committee</u></p> <p><u>2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán/ Having the right to request the representative of the approved auditing organization to attend and answer matters related to the audit financial statements at the meeting of the audit committee</u></p> <p><u>3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư</u></p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 44 Điều Lệ Mẫu <i>Supplementing according to the provisions of Article 44 of the Form Charter</i>

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
		<p><u>vấn khác bên ngoài khi cần thiết/ Using legal advice, accounting or other consulting services outside when necessary</u></p> <p><u>4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công Ty/ Developing and submitting to the Board of Directors risk detection and management policies; propose to the Board of Directors solutions to handle risks arising in the Company's operations;</u></p> <p><u>5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công Ty/ Making a written report to the Board of Directors when it is discovered that members of the Board of Directors, Director (Chief Executive Officer) and other managers fail to fulfill their responsibilities as prescribed in the Law on Enterprises. and the Company's charter.</u></p> <p><u>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua/ To formulate the Operation Regulation of the Audit Committee and submit it to the Board of Directors for approval</u></p>	
30.	[Không có quy định]	<p><b><u>Điều 44. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</u></b></p> <p><u>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp/Auditing Committee must meet at least two (02) times a year. Minutes of the meeting shall be</u></p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 161 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều Lệ Mẫu/ <i>Supplementing according to the</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
		<p><i>made in detail, clear and must be kept fully. The minute maker and members of the Audit Committee attending the meeting must sign the minutes of the meeting.</i></p> <p><i>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán/The Audit Committee shall approve the decision by voting at the meeting, collecting opinions in writing or by another form prescribed by the Operation Regulation of the Audit Committee. Each Audit Committee member has one vote. Unless the Regulation on operation of the Audit Committee contains a higher rate, a decision of the Audit Committee shall be adopted if it is approved by a majority of the attending members; In case the number of votes is equal, the final decision belongs to the side with the opinion of the Audit Committee's Chairman.</i></p>	<p><i>provisions of Clause 2, Article 161 of the Law on Enterprise and the Article 45 of the Form Charter</i></p>
31.	<p><b>Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyền hạn của TGD</b></p> <p><i>Article 44. Appointment, Dismissal and Powers of the CEO</i></p> <p>3. Tiêu chuẩn các Thành viên trong TGD tuân thủ theo quy định tại <u>Điều 65</u> của Luật Doanh nghiệp và Quy chế quản trị của Công Ty/ <i>Standards applicable to the CEO shall comply with the provisions in Article 65 of the Law</i></p>	<p><b>Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyền hạn của TGD</b></p> <p><i>Article 44. Appointment, Dismissal and Powers of the CEO</i></p> <p>3. Tiêu chuẩn của TGD tuân thủ theo quy định tại <u>Khoản 5 Điều 162</u> của Luật Doanh nghiệp và Quy chế quản trị của Công Ty/ <i>Standards applicable to the CEO shall comply with the provisions in Clause 5 Article 162 of the</i></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amending according to the provisions of Clause 5, Article 162 of the Law on Enterprise</i></p>



STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<i>on Enterprises and the Company's Corporate Governance Regulations;</i>	<i>Law on Enterprises and the Company's Corporate Governance Regulations;</i>	
	5. Nhiệm kỳ của TGD <u>là ba (03) năm</u> , trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của TGD có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động được ký kết với TGD. TGD không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này/ <i>Term of office of the CEO shall be <u>three (03) years</u>, unless otherwise determined by the BOD. The CEO may be re-appointed. The CEO's term of office can become invalid based on the provisions of the labor contract signed. The CEO cannot be an individual banned from holding this position by applicable laws;</i>	5. Nhiệm kỳ của TGD <u>không quá năm (05) năm</u> , trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của TGD có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động được ký kết với TGD. TGD không thuộc các đối tượng là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này/ <i>Term of office of the CEO shall be <u>not exceed five (05) years</u>, unless otherwise determined by the BOD. The CEO may be re-appointed. The CEO's term of office can become invalid based on the provisions of the labor contract signed. The CEO cannot be an individual banned from holding this position by applicable laws;;</i>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 35 Điều Lệ Mẫu/ <i>Amending according to the provisions of Clause 2, Article 162 of the Law on Enterprise and the Clause 3 Article 35 of the Form Charter</i>
32.	<b>Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> <i>Article 46. The Duty of Honesty and Avoid Conflicts of Interest</i>  2. Thành viên HĐQT, TGD, Thành viên <u>TBKT</u> và Người quản lý khác của Công Ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ Công Ty và quy định pháp luật khi có phát sinh giao dịch với Công Ty, bao gồm/ <i>Members of the BOD, the CEO, Members of the <u>Audit Committee</u> and other Managers of the Company must disclose related benefits in accordance with the Company's Charter and the provisions of applicable laws when having transactions with the Company, including:</i>	<b>Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> <i>Article 46. The Duty of Honesty and Avoid Conflicts of Interest</i>  2. Thành viên HĐQT, TGD, Thành viên <u>UBKT</u> và Người quản lý khác của Công Ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ Công Ty và quy định pháp luật khi có phát sinh giao dịch với Công Ty, bao gồm/ <i>Members of the BOD, the CEO, Members of the <u>Audit Committee</u> and other Managers of the Company must disclose related benefits in accordance with the Company's Charter and the provisions of applicable laws when having transactions with the Company, including:</i>	Sửa đổi khái niệm TBKT thành UBKT để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp/ <i>Revising terminology under the 2020 Law on Enterprise</i>
	3. Liên quan đến các giao dịch với Cổ đông, Người quản lý và người có liên quan của các đối tượng này, Công Ty phải tuân thủ các quy định sau đây/ <i>Regarding</i>	3. Liên quan đến các giao dịch với Cổ đông, Người quản lý và người có liên quan của các đối tượng này, Công Ty phải tuân thủ các quy định sau đây/ <i>Regarding</i>	Sửa đổi, Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 và

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p><i>transactions with shareholders, Managers and their related persons, the Company must comply with the following provisions:</i></p> <p>e. Các giao dịch giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau đây: (i) Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại <u>Khoản 2 Điều 159</u> của Luật Doanh nghiệp mà dẫn đến tổng giá trị của mỗi giao dịch có giá trị sau đây phải được các cơ quan thông qua tương ứng như sau/<i>For transactions between the Company and one of the followings: (i) Members of the BOD, the CEO, other Managers and their related persons; (ii) Shareholders, authorized representatives of shareholders owning more than ten percent (10%) of the Company's common shares and their related persons; (iii) Enterprises related to those specified in Clause 2, Article 159 of the Law on Enterprises, based on the total value of each transaction, they must be approved as follows:</i></p> <p>(i) ĐHĐCĐ thông qua các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên BCTC của Công Ty/ <i>The GMS shall approve the transactions valued at thirty-five percent (35%) or more of the Company's total asset value as recorded in its financial statements;</i></p> <p>(ii) HĐQT chấp thuận các giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài</p>	<p><i>transactions with shareholders, Managers and their related persons, the Company must comply with the following provisions:</i></p> <p>e. Các giao dịch giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau đây: (i) Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; (ii) <u>Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) và người có liên quan của cổ đông đó</u>, (iii) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ; (iv) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại <u>Khoản 2 Điều 164</u> của Luật Doanh nghiệp mà dẫn đến tổng giá trị của mỗi giao dịch có giá trị sau đây phải được các cơ quan thông qua tương ứng như sau/<i>For transactions between the Company and one of the followings: (i) Members of the BOD, the CEO, other Managers and their related persons; (ii) Shareholders, authorized representatives of shareholders owning more than ten percent (10%) of the Company's common shares and their related persons; (iii) Enterprises related to those specified in Clause 2, Article 159 of the Law on Enterprises, based on the total value of each transaction, they must be approved as follows:</i></p> <p><u>(i) ĐHĐCĐ thông qua hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;/</u> <i>The GMS shall approve the contract, loan transactions; purchase asset with valued at thirty-five percent (10%) or more of the Company's total asset value as recorded in its financial statements;</i></p>	<p>Điểm b Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amending according to the provisions of Clause 2 Article 164 and Point b Clause 3 Article 167 of the Law on Enterprise</i></p>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	sản ghi trên BCTC của Công Ty/ <i>The BOD shall approve the transactions valued less than thirty-five percent (35%) of the Company's total asset value as recorded in its financial statements.</i>	(ii) ĐHĐCĐ thông qua các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên BCTC của Công Ty/ <i>The GMS shall approve the transactions valued at thirty-five percent (35%) or more of the Company's total asset value as recorded in its financial statements</i>  (iii) HĐQT chấp thuận các giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên BCTC của Công Ty/ <i>The BOD shall approve the transactions valued less than thirty-five percent (35%) of the Company's total asset value as recorded in its financial statements..</i>	
33.	<b>Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b> <i>Article 48. Right to inspect books and records</i> <u>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty đối với các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện theo ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này; /</u> <i>The shareholder or group of shareholders referred to in Clause 3, Article 20 of this Charter may directly or through lawyer or an authorized person, send a written request for inspection of the minutes of the GMS and make a copy or extract of such documents during working hours and at the main business location of the Company. Inspection request by</i>	<b>Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b> <i>Article 48. Right to inspect books and records</i> <u>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau/Common shareholders have right to look up record, document, details are as follows:</u>  <u>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ; /</u> <i>Common shareholders have the right to review, look up and extract information about names and contacts in the list of shareholders with voting rights; request to correct their inaccurate information; review, look up, extract or copy the company's charter, minutes of the meeting of the GMS and resolutions of the GMS;</i>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp/ <i>Amending according to the provisions of Point đ, Point e Clause 1 and the Point a Clause 2 Article 115 of the Law on Enterprise</i>

STT No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p><i>the lawyer or other authorized representative of the shareholders must be accompanied by the shareholder's letter of attorney or a certified copy of this authorization</i></p> <p>Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác và Người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công Ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật/<i>The BOD members, CEO, other Managers and Executives have the right to check the shareholder register of the Company, the list of shareholders and other books and records of the Company for purposes relevant to his/her mandate provided that this information is kept confidential;</i></p> <p>Cách thức thực hiện được quy định trong Quy chế của Công Ty do HĐQT phê duyệt và không hạn chế quyền tiếp cận của Cổ đông/<i>The manner of implementation is specified in the Company's Regulations approved by the BOD and without restriction to the access right of shareholders;</i></p>	<p><u><i>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, BCTC giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty/A shareholder or group of shareholders owning five percent (05%) or more of the total number of common shares or more has the right to consider, look up, extract the number of minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, mid-year financial statements and Annually, contracts and transactions must be approved by the Board of Directors and other documents, except documents related to trade secrets, business secrets of the Company.</i></u></p> <p>Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác và Người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công Ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật/<i>The BOD members, CEO, other Managers and Executives have the right to check the shareholder register of the Company, the list of shareholders and other books and records of the Company for purposes relevant to his/her mandate provided that this information is kept confidential;</i></p> <p>Cách thức thực hiện được quy định trong Quy chế của Công Ty do HĐQT phê duyệt và không hạn chế quyền tiếp cận của Cổ đông/<i>The manner of implementation is specified in the Company's Regulations approved by the BOD and without restriction to the access right of</i></p>	

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The English translation is for informational purposes only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

<b>STT No.</b>	<b>Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i></b>	<b>Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i></b>	<b>Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i></b>
	[Không có quy định]	<p><i>shareholders;</i></p> <p><u><i>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này/In case an authorized representative of a shareholder and a group of shareholders request to look up document and records, there must be a power of attorney of the shareholder and group of shareholders that person represents or a notarized copy of the proxy letter</i></u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Điều Lệ Mẫu/ <i>Supplementing according to the provisions of Clause 2, Article 49 of the Form Charter</i></p>

**ĐIỀU 2:** ĐHĐCĐ thống nhất trao quyền cho HĐQT ban hành bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung căn cứ các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này, bao gồm cả những điều chỉnh, sửa đổi các nội dung khác của Điều lệ sử dụng các thuật ngữ viết tắt, các viện dẫn điều khoản từ các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

**ARTICLE 2:** *The GMS authorize the BOD to issue the amended and supplemented Company's Charter based on the contents approved by the GMS in Section 1 of this Proposal, including adjustments and amendments the other regulations of the Company's Charter using abbreviated terms, cited terms from the content approved by the GMS.*

**ĐIỀU 3:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện./.

**ARTICLE 3:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD is required to execute the tasks in accordance to this Resolution./.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**